Phụ lục

KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH BẮC GIANG NĂM 2024

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nhiệm vụ** | **Hoạt động** | **Kết quả/ Sản phẩm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Thời gian** | **Kinh phí** (triệu đồng) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** |
|  | **1.**Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; trong đó tập trung các quy định về: tổ chức, bộ máy; chế độ chính sách, phòng, chống tham nhũng, hoạt động của các doanh nghiệp…  | **1.1. Nhiệm vụ 1:** Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL. | **Hoạt động 1:** Chủ động tham mưu ban hành văn bản QPPL điều chỉnh các nội dung của ngành.  | Nghị quyết/Quyết định | Các Sở, ngành | Sở Tư pháp | Năm 2024 |  |
| **Hoạt động 2:** Nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh; thẩm định dự thảo văn bản QPPL, đảm bảo 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được thẩm định trước khi ban hành, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật và đảm bảo tính khả thi của văn bản QPPL. | Báo cáothẩm định | Sở Tư pháp | Các Sở, ngành |  |  |
|  | **1.2. Nhiệm vụ 2:** Tăng cường công tác kiểm tra phát hiện, đề xuất, kiến nghị xử lý và kịp thời xử lý đối với các văn bản trái pháp luật; đồng thời tiến hành đánh giá hậu quả, các biện pháp khắc phục hậu quả trong việc ban hành văn bản trái pháp luật (nếu có); rà soát văn bản QPPL của HĐND, UBND ban hành để kịp thời tham mưu xử lý văn bản sau rà soát. | **Hoạt động 1:** Thường xuyên tự kiểm tra văn bản của UBND. **Hoạt động 2:** Thực hiện kiểm tra theo thẩm quyền ngay sau khi ban hành và theo Kế hoạch. **Hoạt động 3:** Thường xuyên rà soát ngay sau khi có văn bản QPPL là căn cứ pháp lý hoặc tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương có thay đổi dẫn đến nội dung văn bản đã ban hành không còn phù hợp và rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực theo Kế hoạch.**Hoạt động 4:** Thực hiện báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023 trên địa bàn tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ theo quy định. | Báo cáo kết quả tự kiểm tra/ Thông báo kết luận kiểm tra/Báo cáo kết quả rà soát/Báo cáo kết quả hệ thống hóa | Sở Tư pháp (đối với nhiệm vụ tự kiểm tra, kiểm tra theo thẩm quyền).Các Sở, ngành, địa phương (đối với nhiệm vụ rà soát, hệ thống hóa) | Các Sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan | Năm 2024 |  |
|  | **2.** Gắn việc xây dựng, hoàn thiện văn bản QPPL với việc tăng cường hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; đảm bảo thi hành pháp luật nghiêm minh; nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh. | **2.1. Nhiệm vụ 1:** Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý. Tăng cường hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện kiến nghị, xử lý kết quả sau theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. | **Hoạt động 1:** Xây dựng, ban hành Kế hoạch, Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch/ Báo cáo kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.Các đợt kiểm tra/ Thông báo kết luận kiểm tra/Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật trong từng lĩnh vực được lựa chọn theo Kế hoạch. | Sở Tư pháp (đối với Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh) Các Sở, ngành, UBND cấp huyện (đối với Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực, phạm vi quản lý) | Các Sở, ngành; UBND cấp huyện có liên quan | Năm 2024 |  |
|  |  |  | **Hoạt động 2:** Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và việc thực hiện kiến nghị, xử lý kết quả sau theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân | Các hướng dẫn, đôn đốc/Văn bản hướng dẫn đôn đốc/Thông báo kết quả kiểm tra/Báo cáo kết quả xử lý | Sở Tư pháp, UBND cấp huyện | Các Sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan |  |  |
|  |  |  | **Hoạt động 3:** Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. | Các Cổng thông tin điện tử, Cổng thông tin phổ biến giáo dục pháp luật; các ứng dụng mạng XH | Các Sở, ngành; UBND cấp huyện | Các Sở, ngành; UBND cấp huyện có liên quan |  |  |
| **II** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** |
|  | **1**.100% thủ tục hành chính trong văn bản QPPL của tỉnh được kiểm soát chặt chẽ trước khi ban hành | **1.1. Nhiệm vụ 1:** Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật | **Hoạt động 1:** Thực hiện đánh giá tác động và tính toán chi phí tuân thủ đối với các quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh (khi được giao trong Luật) | Báo cáo đánh giá tác động của TTHC, bản đánh giá tác động của TTHC | Các sở, ban, ngành | Sở Tư pháp | Khi có phát sinh |  |
| **Hoạt động 2:** Tham gia ý kiến đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC | Văn bản tham gia ý kiến | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành | Khi có phát sinh |  |
|  | **2.** Rà soát TTHC thuộc phạm vi, thẩm quyền của các sở, ngành, địa phương, đề xuất các phương án, sáng kiến đơn giản hóa TTHC theo hướng phân cấp, uỷ quyền trong giải quyết TTHC, cắt giảm yêu cầu, điều kiện trình UBND tỉnh phê duyệt.  | **2.1. Nhiệm vụ 2:** Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính | **Hoạt động 1**: Đăng ký danh sách TTHC có khó khăn, bất cập, vướng mắc thực hiện rà soát | Văn bản đăng ký | Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP | Văn phòng UBND tỉnh | Trước 10/2/2024 |  |
|  | **Hoạt động 3:** Tổng hợp danh sách và trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch | Kế hoạch ban hành | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP | Tháng 2/2024 |  |
|  | **Hoạt động 4:** Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC | Lập biểu mẫu, báo cáo kết quả | Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP | Văn phòng UBND tỉnh | Theo Kếhoạch riêng |  |
|  | **Hoạt động 5:** Thẩm định trình phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC | Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh | Cơ quan rà soát | Theo Kếhoạch riêng |  |
|  | **3.** 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và rà soát đơn giản hóa  | **3.1. Nhiệm vụ 1:** Rà soát đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước | **Hoạt động 1**: Rà soát đơn giản hóa theo Kế hoạch số 5392/KH-UBND ngày 26/10/2022 của Chủ tịch UBND  |  | Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP | Văn phòng UBND tỉnh | Theo Kếhoạch riêng |  |
|  | **3.2. Nhiệm vụ 2**: Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây nhũng nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân. | **Hoạt động 1:** Rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp.**Hoạt động 2:** Đề xuất các nội dung ủy quyền giải quyết của từng cấp | Công văn rà soát, Báo cáo đề xuất, Công văn ủy quyền | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP | Thường xuyên |  |
|  | **4.** Bảo đảm trên 90% hồ sơ TTHC được giải quyết trước và đúng hạn, trong đó có trên 60% trả trước hạn. Trường hợp, để xảy ra tình trạng chậm muộn phải thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức theo quy định. | **4.1. Nhiệm vụ 1:** Tiếp tục thực hiện đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. |  | Công văn rà soát, Báo cáo đề xuất, Công văn xin lỗi | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành, UBND huyện, TP | Thường xuyên |  |
|  | **5.** Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử | **5.1. Nhiệm vụ 1:** Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, tập trung giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; trao đổi văn bản trên môi trường mạng; số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.  |  | Công văn rà soát, Báo cáo đề xuất,  | Sở, ngành, UBND huyện, thành phố | Sở Thông tin và Truyền thông |  |  |
|  | **6.** Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.  | **6.1.** **Nhiệm vụ 1**: Nâng tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại các cấp chính quyền và tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. |  | Tỷ lệ được cung cấp trên cổng dịch vụ công theo quy định ; văn bản công bố của Chủ tịch UBND tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ngành, UBND huyện, thành phố | Năm 2024 |  |
|  | **7.** Tối thiểu 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ. | **7.1. Nhiệm vụ 1:** Nâng cao tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá đạt tối thiểu 80%. | **Hoạt động 1:** Thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. | Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá. | Sở Thông tin và Truyền thông. | Sở, ngành; UBND huyện, thành phố. | Năm 2024 |  |
|  | **8.** 100% thủ tục hành chính được xây dựng quy trình nội bộ và được công bố, công khai, cập nhật kịp thời | **8.1.** **Nhiệm vụ 1:** Rà soát, xây dựng Quyết định công bố thủ tục/danh mục thủ tục hành chính; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; Cập nhật, công khai thủ tục hành chính; tin học hóa quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính. | **Hoạt động 1**: Công bố thủ tục/danh mục thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh.**Hoạt động 2:** Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh. | Quyết định;Thủ tục hành chính được cập nhật, công khai. | Các sở, ngành; UBND cấp huyện, UBND cấp xã | Văn phòng UBND tỉnh | Thường xuyên |  |
|  | **9.** TTHC của Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có đủ điều kiện, được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia | **9.1.** **Nhiệm vụ 1:** Rà soát, tái cấu trúc, xây dựng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ; tích hợp cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia | **Hoạt động 1:** TTHC được tái cấu trúc, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang | Quyết định | Sở Thông tin và Truyền thông | Sở, ngành | Năm 2024 |  |
| **III** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **1.** Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy, giảm đầu mối trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, tạo sự thống nhất, thông suốt trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW[[1]](#footnote-1); Nghị quyết số 19-NQ/TW[[2]](#footnote-2); Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP[[3]](#footnote-3), Nghị định số 108/2020/NĐ-CP[[4]](#footnote-4); Nghị định số 120/2020/NĐ-CP[[5]](#footnote-5); Nghị định 60/2021/NĐ-CP[[6]](#footnote-6) của Chính phủ và các văn bản của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác tổ chức bộ máy hành chính nhà nước. | * 1. **Nhiệm vụ 1:** Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, số biên chế, số cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và lộ trình của tỉnh; thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW.
 | **Hoạt động 1:** Xây dựng kế hoạch rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, số biên chế, số cấp phó của các tổ chức bên trong của cơ quan hành chính, bảo đảm đúng quy định của pháp luật và lộ trình của tỉnh; trình cấp có thẩm quyền quyết định. | Kế hoạch, đề án  | Các cơ quan, địa phương | Sở Nội vụ | Quý IV năm 2024 |  |
|  |  | * 1. **Nhiệm vụ 2**: Các sở, cơ quan, thuộc UBND tỉnh kịp thời tham mưu trình UBND tỉnh ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Thông tư hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp huyện rà soát, ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện theo quy định.
 | **Hoạt động 1:** Các sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị, của cơ quan chuyên môn; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định. | Quyết định  | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Nội vụ | Năm 2024 |  |
|  |  | **1.3.** **Nhiệm vụ 3**:Tham mưu UBND tỉnh Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 31/2022/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chức lãnh đạo, quản lý và viên chức quản lý trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bắc Giang.   | **Hoạt động 1:** Rà soát, đối chiếu các nội dung không còn phù hợp, tham mưu sửa đổi, bổ sung theo quy định | Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Tháng 12 năm 2024 |  |
|  |  | **1.4**. **Nhiệm vụ 4:**Tham mưu UBND tỉnh Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 16/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trên địa bàn tỉnh. | **Hoạt động 1**: Chủ động rà soát, đối chiếu các nội dung không còn phù hợp, tham mưu sửa đổi, bổ sung theo quy định | Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Tháng 4 năm 2024 |  |
|  |  | **1.5.** **Nhiệm vụ 5:**Tham mưu UBND tỉnh Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 50/2021/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh quy định một số nội dung về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, số lượng người làm việc, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh  | **Hoạt động 1:** Rà soát, đối chiếu các nội dung không còn phù hợp, tham mưu sửa đổi, bổ sung theo quy định | Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới | Sở Nội vụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Tháng 4 năm 2024 |  |
|  |  | **1.6.** **Nhiệm vụ 6**: Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2025 | **Hoạt động 1:** Trên cơ sở báo cáo và kế hoạch xây dựng biên chế hàng năm các đơn vị gửi, Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo, trình UBND tỉnh quyết định | Kế hoạch của UBND tỉnh | Sở Nội vụ | Các Sở, ngành, địa phương | Quý IV năm 2024 |  |
|  |  | **1.7.** **Nhiệm vụ 7**:Chuyển giao Trung tâm Y tế cấp huyện trực thuộc Sở Y tế về trực thuộc UBND cấp huyện trực tiếp quản lý theo Nghị quyết số 99/2023/NQ-QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội khóa XV giám sát chuyên đề việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng. | **Hoạt động 1:** Sở Y tế chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện xây dựng Đề án, gửi Sở Noi vụ thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. | Quyết định của UBND tỉnh | Sở Y tế, UBND cấp huyện  | Sở Nội vụ và cơ quan liên quan | Quý IV năm 2024 |  |
|  |  | **1.8**. **Nhiệm vụ 8:** Sắp xếp, kiện toàn các đơn vị sự nghiệp công lập khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh.  | **Hoạt động 1:** UBND cấp huyện căn cứ Nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền xây dựng đề án, sắp xếp, kiện toàn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện, gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh quyết định hoặc cho chủ trương thực hiện. | Quyết định của cơ quan có thẩm quyền | UBND cấp huyện | Sở Nội vụ và cơ quan liên quan | Giai đoạn 2024-2025 |  |
|  |  | **2.9.** **Nhiệm vụ 9:** Tăng cường thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, biên chế. | **Hoạt động 1.** Xây dựng Kế hoạch, thông báo kiểm tra công tác quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế các sở, cơ quan, đơn vị, địa phương. | Kế hoạch, Thông báo kết luận kiểm tra | Sở Nộivụ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2024 |  |
| **IV** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **1**. Xây dựng đội ngũ CB,CC,VC chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý. | **1.1.** **Nhiệm vụ 1:** Triển khai tuyển dụng viên chức năm 2024 | **Hoạt động 1**: Ban hành kế hoạch tuyển dụng giáo viên, viên chức y tế năm 2024 | Kế hoạch | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Quý III, IV năm 2024 |  |
|  | **Hoạt động 2:** Triển khai công tác tuyển dụng và ban hành Quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển | Quyết định | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Quý III, IV năm 2024 |  |
|  | **2**. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý CB,CC,VC | **2.1.** **Nhiệm vụ 1:** Cập nhật kịp thời thông tin CB,CC,VC trên phần mềm Quản lý CB,CC,VC. | **Hoạt động 1**: Thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin CB,CC,VC trên phần mềm Quản lý CB,CC,VC. | Thông tin trên phần mềm được cập nhật | Các sở, ngành, các huyện, thành phố; các ĐVSN công lập | Sở Nội vụ; Sở Thông tin và TT | Thường xuyên |  |
|  | **3**. CB,CC,VC được bố trí đúng theo vị trí việc làm | **3.1. Nhiệm vụ 1:** Bố trí CB,CC,VC, người lao động theo đề án VTVL đã được phê duyệt của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, TP. | **Hoạt động 1**: Rà soát việc bố trí CB,CC,VC, người lao động theo đề án VTVL của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND huyện, thành phố | Báo cáo | Các sở, ngành, các huyện, thành phố; các ĐVSN công lập | Sở Nội vụ | Tháng 11/2024 |  |
|  | **3.2. Nhiệm vụ 2**: Rà soát Đề án VTVL và cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập. | **Hoạt động 1**: Thẩm định điều chỉnh Đề án VTVL cơ cấu ngạch công chức, Đề án VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập. | Văn bản thẩm định | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Năm 2024 |  |
|  | **4.** Thực hiện cải cách tiền lương theo chỉ đạo của Trung ương; thực hiện tốt việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và công tác tiếp nhận, điều động công chức, viên chức nhà nước đảm bảo đúng quy định. | **4.1.** **Nhiệm vụ 1:** Triển khai thực hiện ngay sau khi có các văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương và của Bộ Nội vụ | **Hoạt động 1:** Rà soát, thống kê số lượng cán bộ, công chức, viên chức theo bảng lương mới | Công văn, Báo cáo, Quyết định | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Năm 2024 |  |
|  | **5**. 90% cán bộ lãnh đạo quản lý từ cấp phòng được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý | **5.1. Nhiệm vụ 1:** Mở các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp để đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng vị trí việc làm | **Hoạt động** **1**: Triển khai tổ chức các lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch | Kế hoạch | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Tháng 12/2024 |  |
|  | **5.2**. **Nhiệm vụ 2:** Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng theo quy định | **Hoạt động 1**: Cơ quan, địa phương, đơn vị cử CB,CC,VC tham gia các lớp bồi dưỡng, chấp hành tốt các quy định | Báo cáo | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Sở Nội vụ | Năm 2024 |  |
|  | **6**. Thực hiện bổ nhiệm, nâng ngạch, thăng hạng cho CB,CC,VC đạt tỷ lệ 30% trở lên theo vị trí việc làm. | **6.1**. **Nhiệm vụ 1:** Ban hành Kế hoạch về nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức | **Hoạt động 1**: Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức | Số liệu tỉ lệ so với mục tiêu/Kế hoạch, Báo cáo  | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, các huyện, TP; các ĐVSN công lập | Năm 2024 |  |
| **V** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **1.** Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng NSNN cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập Nâng cao tính tự chủ tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo | **1.1. Nhiệm vụ 1:**Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐCP; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của CP  |  **Hoạt động 1:** Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hợp lý trên cơ sở triệt để tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, công khai tài chính và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan.  | Báo cáo  | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, Thành phố  | Tháng 01/2024 |  |
|  | **1.2.** **Nhiệm vụ 2**:Kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước chi thường xuyên và đầu tư công. Quản lý, sử dụng có hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước; thực hiện tốt quy định về quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính và phòng chống tham nhũng, lãng phí.  | **Hoạt động 1:** Hướng dẫn triển khai và thực hiện thẩm định, xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước; Quyết toán vốn đầu tư công,hàng năm theo chế độ, chính sách hiện hành | Thông báo | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, Thành phố  | Thường xuyên hàng năm |  |
|  |  | **Hoạt động 2**: Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành | Quyết định | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, Thành phố  | Thường xuyên hàng năm |  |
|  | **2.** Tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô công trên địa bàn tỉnh | **2.1**. **Nhiệm vụ 1:** Hoàn thiện việc tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về tiêu chuẩn, định mức và sắp xếp lại, xử lý xe ô tô công trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 72/2023/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô | **Hoạt động 1:** Xây dựng dự thảo Quyết định, xin ý kiến các cơ quan, đơn vị; UBND huyện, thành phố để hoàn thiện dự thảo Quyết định báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định ban hành  | Quyết định | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, Thành phố  | Tháng 10/2024 |  |
|  | **3.** Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. | **3.1. Nhiệm vụ 1:**Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước. | **Hoạt động 1:** Thực hiện tốt công tác giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước để bảo toàn và phát triển vốn | Báo cáo  | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành có liên quan,các Công ty CP thực hiện thoái vốn nhà nước và người đại diện phần vốn NN | Năm 2024 |  |
|  | **3.2**. **Nhiệm vụ 2:** Phân bổ kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho các công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi | **Hoạt động 1:** Đánh giá tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho các công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi | Tờ trình | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành, các công ty cổ phần có liên quan | Năm 2024 |  |
|  | **3.3. Nhiệm vụ 3:**Tổng hơp quyết toán kinh phí hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số | **Hoạt động 1:** Tổng hợp thanh quyết toán kinh phí các công ty sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của TTCP  | Tờ trình | Sở Tài chính  | Các Sở, ban, ngành,các công ty cổ phần có liên quan. | Năm 2024 |  |
| **VI** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **1.** Tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC đạt trên 70%. Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến từ xa đạt trên 60%. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt trên 60%. Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt trên 70%. | **1.1. Nhiệm vụ 1:** Xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Bắc Giang | **Hoạt động 1:** Phát triển với các hệ thống xử lý nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác**Hoạt động 2:** Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết. | Nâng cấp phần mềm | Sở TT&TT | Các sở, ngành, huyện, thành phố | Năm 2024 | Theo Kế hoạch số 324/KH-UBND ngày 13/7/2021 |
|  | **2.** Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa các cấp (Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 100%; Tỷ lệ TTHC số hoá kết quả giải quyết đạt 100%; Tỷ lệ khai thác sử dụng lại tài liệu đạt trên 50%). | **2.1. Nhiệm vụ 1**: Xây dựng, phát triển Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang | **Hoạt động 1:** Xây dựng Kho dữ liệu số (data lake, big data) của tỉnh để quản lý thống nhất việc tích hợp, lưu trữ, chia sẻ, trao đổi, bảo quản an toàn và tổ chức sử dụng có hiệu quả các tài liệu lưu trữ điện tử của tỉnh hình thành trong quá trình chuyển đổi số. | Nâng cấp phần mềm | Sở TT&TT | Các sở, ngành, UBND huyện, Thành phố | 2024 |
|  | **3.** Trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 65% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng | **3.1. Nhiệm vụ 1:** Nâng cấp hệ thống QLVB&ĐHCV | **Hoạt động 1:** Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành công việc đảm bảo áp dụng hiệu quả thống nhất từ cấp tỉnh đến cấp xã, trong đó có hệ thống theo dõi các nhiệm vụ được giao | Nâng cấp phần mềm | Sở TT&TT | Các sở, ngành, UBND huyện, Thành phố | 2024 |
|  | **4.** 100% CSDL tạo nền tảng phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh được kết nối, chia sẻ; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển KTXH. | **4.1. Nhiệm vụ 1:** Xây dựng, phát triển Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang | **Hoạt động 1:** Xây dựng Cổng dữ liệu mở (Open Data) tỉnh Bắc Giang để quản trị dữ liệu số, công bố hiện trạng thông tin về dữ liệu số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, khai thác thông tin bảo đảm kết nối với Cổng dữ liệu số quốc gia. | Nâng cấp phần mềm | Sở TT&TT | Các sở, ngành, UBND huyện, Thành phố | 2024 |
|  | **5.** 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp được thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh | **5.1. Nhiệm vụ 1:** Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Bắc Giang | **Hoạt động 1:** Phát triển Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. | Nâng cấp phần mềm | Sở TT&TT | Các sở, ngành, UBND huyện, Thành phố | 2024 |
|  | **6.** Tỷ lệ các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh xây dựng Cổng thông tin điện tử là cổng thành phần của UBND huyện/ thành phố đạt 100% | **6.1. Nhiệm vụ 1:** Nâng cấp hệ thống Cổng TTĐT | **Hoạt động 1:** Duy trì, phát triển Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ngành, cấp huyện, cấp xã đáp ứng theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ để phục vụ người dân và doanh nghiệp | Nâng cấp phần mềm | Sở TT&TT | Các sở, ngành, UBND huyện, Thành phố | 2024 |
|  | **7.** Đẩy mạnh triển khai thực hiện 05 nhóm tiện ích của Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh  | **7.1.** **Nhiệm vụ** **1**: Triển khai 24 mô hình, nhiệm vụ liên quan đến 05 nhóm tiện ích của Đề án 06/CP.  | **Hoạt động 1:** Thường xuyên rà soát, xây dựng CSDL cần thiết để triển khai thực hiện**Hoạt động 2:** Đánh giá tiến độ, mức độ hoàn thành. | Báo cáo kết quả triển khai các mô hình, nhiệm vụ/Công văn, Kế hoạch triển khai | Công an tỉnh | Các sở, ngành, UBND huyện, Thành phố | 2024 | Kế hoạch 172/KH-UBND ngày 11/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh  |
| **VII** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** |
|  | **1**. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền về CCHC của tỉnh, của các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện. | **1.1. Nhiệm vụ 1**: Tham mưu, xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về công tác cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh. | **Hoạt động 1**: Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền | Kế hoạch | Sở TT&TT | Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện | Tháng 1/2024 |  |
| **1.2. Nhiệm vụ 2**: Lựa chọn môn số nội dung trọng tâm tuyên truyền về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh | **Hoạt động 1**: Phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài PTTH tỉnh tuyên truyền về CCHC | Văn bản chỉ đạo/ báo cáo kết quả | Sở Nội vụ |  | Tháng 12/2024 | Theo dự toán được phê duyệt |
| **1.3**. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về công tác cải cách hành chính năm 2024, của Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện | **Hoạt động 1**: Xây dựng kế hoạch, Ban hành các văn bản chỉ đạo. | Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố |  | Tháng 02/2024(Gửi KH về Sở Nội vụ) |  |
| **1.4.** Nghiên cứu, đề xuất nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền CCHC | **Hoạt động 1**: Lập dự trù kinh phí tuyên truyền CCHC năm 2025 | Dự toán được duyệt | Sở Nội vụ |  | Tháng 12/2024 |  |
|  | **2**. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thực hiện kế hoạch CCHC. | **Nhiệm vụ 1**: Tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024 của tỉnh | **Hoạt động 1**: Xây dựng kế hoạch, các văn bản chỉ đạo. | Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo | Văn Phòng UBND tỉnh |  | Tháng 1/2024 |  |
|  | **Nhiệm vụ 2**: Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2024 của sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện | **Hoạt động 1**: Xây dựng kế hoạch, Ban hành các văn bản chỉ đạo. | Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố |  | Tháng 01/2024 (Gửi KH về Sở Nội vụ) |  |
|  | **Nhiệm vụ 3**: Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ CB, CC, VC làm công tác CCHC | **Hoạt động 1**: Dự trù kinh phí Tổ chức các lớp bồi dưỡng cho công chức làm công tác tham mưu về CCHC các cấp năm 2024 | Dự toán kinh phí hoạt động cho năm 2025 | Sở Nội vụ |  | Tháng 12/2024 | Theo dự toán được phê duyệt |
|  | **Nhiệm vụ 4:** Tham mưu các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác sáng kiến, giải pháp mới | **Hoạt động 1**: Xây dựng các văn bản chỉ đạo. | Các văn bản chỉ đạo, các Đăng ký sáng kiến, giải pháp | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố |  | Tháng 03/2024 (Gửi Đăng ký về Sở Nội vụ) |  |
|  | **3**. Đẩy mạnh công tác kiểm tra CCHC theo hướng thực chất. | **Nhiệm vụ 1**: Tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2024 của tỉnh, của Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện | **Hoạt động 1**: Xây dựng kế hoạch, các văn bản chỉ đạo. | Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo | Sở Nội vụ | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh | Tháng 03/2024 |  |
|  | **Nhiệm vụ 2**: Tham mưu xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 của Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện. | **Hoạt động 1**: Xây dựng kế hoạch, ban hành các văn bản chỉ đạo. | Kế hoạch, các văn bản chỉ đạo | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố |  | Tháng 03/2024 (Gửi KH về Sở Nội vụ) |  |
|  | **4**. Nâng cao chỉ số CCHC cấp tỉnh, các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước  | **Nhiệm vụ 1**: Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả xác định chỉ số CCHC các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố năm 2023; Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 | **Hoạt động 1**: Xây dựng các văn bản chỉ đạo, tổ chức thẩm định, tổng hợp, xây dựng báo cáo. | Báo cáo | Sở Nội vụ | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện | Tháng 01/2024 |  |
|  | **Nhiệm vụ 2**: Triển khai tự chấm điểm, xác định chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2023 gửi Bộ Nội vụ thẩm định | **Hoạt động 1**: Xây dựng các văn bản chỉ đạo, tổ chức thẩm định, tổng hợp, xây dựng báo cáo. | Báo cáo | Sở Nội vụ | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh | Quý I/2024 |  |
|  | **Nhiệm vụ 3**: Tham mưu xây dựng Báo cáo đánh giá kết quả Chỉ số CCHC (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023 của tỉnh | **Hoạt động 1**: Xây dựng báo cáo. | Báo cáo | Sở Nội vụ | Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố | Quý II/2024 (Sau khi Ban CĐ CCHC của Chính phủ công bố kết quả) |  |
|  | **Nhiệm vụ 4**: Tham mưu ban hành Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, TP năm 2024 | **Hoạt động 1**: Xây dựng Kế hoạch. | Kế hoạch | Sở Nội vụ |  | Tháng 10/2024 | Theo dự toán được phê duyệt |
|  | **Nhiệm vụ 5**: Nghiên cứu, đề xuất kinh phí xác định Chỉ số cải cách hành chính của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố năm 2024 | **Hoạt động 1**: Lập dự trù kinh phí xác định Chỉ số CCHC. | Kế hoạch | Sở Nội vụ |  | Tháng 10/2024 | Theo dự toán được phê duyệt |

1. ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. [↑](#footnote-ref-1)
2. ngày 25/10/2017 về “tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”. [↑](#footnote-ref-2)
3. ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. [↑](#footnote-ref-3)
4. ngày 14/9/2020sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [37/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-37-2014-nd-cp-co-quan-chuyen-mon-thuoc-uy-ban-huyen-quan-thi-xa-thanh-pho-thuoc-tinh-228336.aspx) ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*.* [↑](#footnote-ref-4)
5. ngày 07/10/2020 quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-5)
6. ngày 21/2021quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-6)